

Số:

Kon Tum, ngày tháng năm

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận được bản giấy Công văn số 2185/STC-QLNS ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Sở Tài chính đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "*Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum*" (sau đây gọi tắt là dự thảo Nghị quyết). Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan, căn cứ Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽¹⁾; Điều 52 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP), Sở Tư pháp báo cáo thẩm định như sau:

1. Sự cần thiết ban hành

Thực hiện Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Qua quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND cần sửa đổi, bổ sung một số nội dung để phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế của địa phương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽²⁾, Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum là cần thiết, phù hợp với quy định.

⁽¹⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

⁽²⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết đã bao quát, đầy đủ phù hợp với các nội dung khác có trong trong dự thảo. Tuy nhiên, theo tinh thần chung, dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến nội dung, mức thu, tỷ lệ (%) để lại, tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước, đối tượng nộp phí, miễn nộp phí và lệ phí quy định tại Phụ lục I và Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND mà không phải là sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND. Vì vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, chỉnh lý lại tên gọi (trích yếu) của văn bản và phạm vi điều chỉnh (thể hiện qua tên gọi của Điều 1) dự thảo Nghị quyết để đảm bảo chính xác, thống nhất. Theo đó, tên gọi và phạm vi điều chỉnh (thể hiện qua tên gọi của Điều 1) dự thảo Nghị quyết có thể biên tập theo hướng sau: *"Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục I, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum"*.

2.2. Đối tượng áp dụng

Do là văn bản dự kiến sửa đổi, bổ sung văn bản khác nên đối tượng áp dụng đã được xác định theo văn bản được sửa đổi, bổ sung. Vì vậy, cơ quan chủ trì soạn thảo không tham mưu quy định đối tượng áp dụng là phù hợp.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết

Sở Tư pháp nhận thấy, về cơ bản, dự thảo Nghị quyết không đặt ra các quy định trái với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và thống nhất với các văn bản khác đã được Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành. Tuy nhiên, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét lại các nội dung sau:

3.1. Đề nghị chỉnh lý tên gọi và tên Điều 1 dự thảo Nghị quyết với lý do đã được Sở Tư pháp trình bày tại điểm 2.1 mục 2 của Báo cáo này.

3.2. Tại phần Nơi nhận xem xét biên tập lại như sau: *" Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp"* cho chính xác và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 121 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽³⁾.

⁽³⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 25 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.3. Về đối tượng nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại phụ lục I ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định "*Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức nước ngoài; cá nhân nước ngoài khi được cơ quan nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp) theo quy định của pháp luật thì phải nộp lệ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận*", theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định không bao gồm cá nhân nước ngoài. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại quy định nêu trên.

3.4. Về đối tượng nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất tại phụ lục II ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết quy định "*Tổ chức, cá nhân, hộ gia đình trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức nước ngoài; cá nhân nước ngoài khi được cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum*", theo quy định tại Điều 5 Luật Đất đai năm 2013 thì người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất theo quy định không bao gồm cá nhân nước ngoài. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét lại quy định nêu trên.

3.5. Sở Tư pháp nhận thấy, các loại phí, lệ phí được dự kiến sửa đổi, bổ sung trong Phụ lục dự kiến ban hành kèm theo được quy định trong Phụ lục ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 và thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, mức thu, tỷ lệ (%) để lại, tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước, đối tượng nộp phí, miễn nộp phí và lệ phí cụ thể, đề nghị Sở Tài chính căn cứ quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Thông tư số 85/2019/TT-BTC, Thông tư số 106/2021/TT-BTC các văn bản pháp luật có liên quan và thực tiễn của địa phương để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định (*Sở Tư pháp không thẩm định mức thu, tỷ lệ (%) để lại, tỷ lệ (%) nộp ngân sách nhà nước, đối tượng nộp phí, miễn nộp phí và lệ phí cụ thể*).

4. Ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết cơ bản được trình bày đúng quy định về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁽⁴⁾; Mẫu số 36 của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ. Tuy nhiên, tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết đề nghị điều chỉnh như sau: "*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XII Kỳ*

⁽⁴⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ.

hợp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024" cho chính xác.

5. Trình tự, thủ tục xây dựng văn bản

Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan đối với dự thảo Nghị quyết; phối hợp tổ chức việc đăng tải toàn văn dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015.

6. Điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh

Sở Tư pháp nhận thấy, dự thảo Nghị quyết **đủ điều kiện trình** Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh sau khi cơ quan chủ trì soạn thảo điều chỉnh lại một số nội dung và thực hiện các đề nghị khác được nêu trong Báo cáo này. Hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị thực hiện theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015⁽⁵⁾ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020).

Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo khi tiếp nhận Báo cáo thẩm định thực hiện việc tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết hoặc giải trình (trong trường hợp không tiếp thu ý kiến thẩm định). Khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, **đồng thời gửi báo cáo giải trình, tiếp thu kèm theo dự thảo Nghị quyết đã được chỉnh lý đến Sở Tư pháp để theo dõi** theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật⁽⁶⁾.

Trên đây là Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: "*Sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 28/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Kon Tum*". Kính gửi Sở Tài chính theo đề nghị./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, XDKTr&PBPL/STP.

GIÁM ĐỐC

Trần Minh Thắng

⁽⁵⁾ Tài liệu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 122 được gửi bằng bản giấy, tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

⁽⁶⁾ Đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020.